



VCBS

PVD

Công ty cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PV Drilling) là đơn vị thành viên của Tổng công ty dầu khí Việt Nam PetroVietnam, được cổ phần hoá từ Công ty Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (tiền thân là Xí nghiệp Dịch vụ dầu khí biển PTSC Offshore), theo Quyết định số 3477/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ công nghiệp với vốn điều lệ 680 tỷ đồng. Trước khi cổ phần hoá, công ty được PetroVietnam cấp thêm 530 tỷ để nâng vốn điều lệ lên 680 tỷ đồng để đầu tư gian khoan đa năng tự nâng.

Tháng 12/2006, công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán TP HCM

Lĩnh vực hoạt động chính

- Khoan và sửa chữa các giếng khoan dầu khí
- Cung ứng giàn khoan và giàn khai thác dầu khí
- Thực hiện các dịch vụ: thiết kế, chế tạo, lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa bảo dưỡng, vận hành giàn khoan, giàn khai thác dầu khí.
- Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan
- Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu
- Cung ứng vật tư, thiết bị khoan và khai thác

Thị trường

⇒ Thị trường chính của PV Drilling là thị trường trong nước, công ty đã cung cấp dịch vụ dầu khí chuyên ngành cho các công ty dầu khí lớn như: Vietsopetro, BP, Conoco, Cuulong JOC, Hoanglong JOC, JVPC, Maurel & Prom, OMV, Petronas Carigali, Unocal.. để cung cấp các dịch vụ dầu khí tại thêm lục địa Việt Nam

⇒ Thị trường nước ngoài: công ty đã có hợp đồng triển khai dịch vụ khoan tại Algeria và có kế hoạch phát triển thị trường tại Malaysia, Indonesia...

PVD

PV Drilling

Công ty cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí

Tên giao dịch: PV Drilling

Địa chỉ: Tầng 2, toà nhà 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP HCM

ĐT: (84-4) 9142012 Fax: (84-4) 9142021

Website: www.pvdrilling.com.vn

Vốn điều lệ: 680.000.000.000 VND

Thành phần sở hữu

Số cổ phiếu lưu hành: 68.000.000

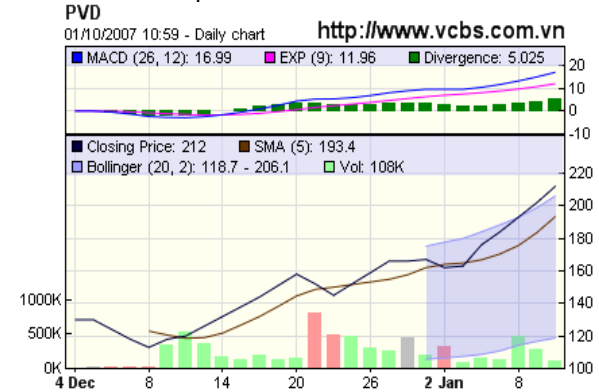
Mã cổ phiếu: **PVD**

Cơ cấu cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ
PetroVietnam	34.680.000	51,00%
PVFC	4.781.596	7,03%
Vietcombank	3.000.000	4,41%
SSI	1.085.000	1,60%
Cổ đông khác	24.453.404	35,96%
Tổng cộng	43.546.596	100%

Thông tin cổ phiếu

Giá trị thị trường: 14.416 tỷ đồng

Giá cao nhất/thấp nhất 52 tuần: 212.000/13.300 đ



CÁC THÔNG SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

	2003	2004	2005	QIII/2006
Doanh thu (VND)	492.602.384.437	662.635.826.030	1.071.501.050.746	876.230.192.985
% Tăng (Giảm)	n/a	35%	62%	-18%
Thu nhập ròng (VND)	28.675.916.705	29.147.752.332	52.527.866.856	62.329.268.811
% Tăng (Giảm)	n/a	2%	80%	19%
Số cổ phiếu	7,755,621	7,915,000	7,915,000	7,915,000
EPS (VND)				916,61
Price (7/12/2006)				118.000
P/E	n/a	n/a	na	128,7
BVPS (VND)				10.846,50
P/BV	n/a	n/a	na	10,9
Dividend (VND)	n/a	n/a	16%	8%
ROA (%)	14%	10%	4%	4%
ROE (%)	41%	28%	7%	8%
D/E	1,97	1,70	0,67	1,24
LT Debt/Equity	0,15	0,03	0,25	0,77

(*) Số liệu quý III/2006 là tổng hợp 2 giai đoạn, từ 1/1/ đến 15/02/2006 và từ 15/02-30/9/06

Bản báo cáo phân tích này chỉ phục vụ cho các khách hàng của VCBS tham khảo, nghiêm cấm phân phối rộng rãi ra ngoài công chúng dưới mọi hình thức. Đây là các ý kiến chủ quan của chúng tôi dựa trên các thông tin đã được công bố chính thức. Bản báo cáo không phải là lời đề nghị mua hay bán chứng khoán của công ty được phân tích vì vậy chúng tôi hoàn toàn không chịu trách nhiệm về những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

**PHÂN TÍCH NGÀNH****MỐI QUAN HỆ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ**

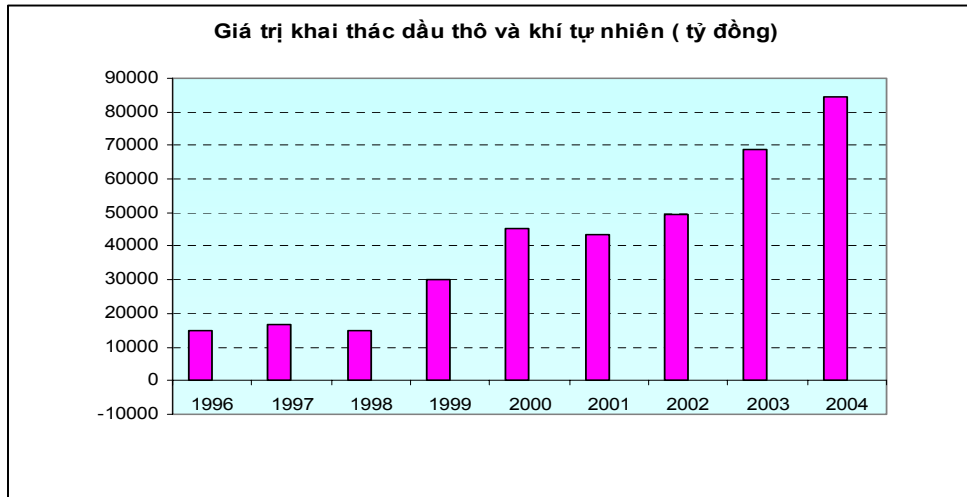
Ngành dầu khí đang trong giai đoạn phát triển mạnh, doanh thu từ ngành dầu khí luôn đóng góp 30% vào doanh thu xuất khẩu của cả nước. Đây là ngành kinh tế trọng điểm góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế đất nước

CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI CHO NGÀNH

Ngành dầu khí được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước vì đây là ngành kinh tế mũi nhọn. Bên cạnh nguồn thu từ xuất khẩu dầu thô, nhà nước có chính sách dùng tiền thu từ dầu khí để đầu tư cho công tác thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí. Ngoài ra, ngành dầu khí là ngành thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất. Hàng loạt tập đoàn dầu khí hàng đầu thế giới như BP, Exxon, Shell, Petronas đã có mặt và thực hiện đầu tư trong lĩnh vực dầu khí tại Việt Nam.

THÔNG SỐ THỊ TRƯỜNG

Ngành dầu khí liên tục tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng bình quân từ 20-28%/năm

**SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG NGHỆ**

Công nghệ khai thác, thăm dò và chế biến dầu khí trên thế giới liên tục phát triển. Đối với công nghệ chế biến dầu khí và chế phẩm dầu mỏ, đây là công nghệ phổ biến tại nhiều nước trên thế giới để tạo ra các loại sản phẩm xăng, dầu, dầu nhớt, nhựa, PVC... Tại Việt Nam, công nghệ lọc dầu còn hạn chế khi hiện nay, nhà máy chế biến lọc dầu đầu tiên của Việt Nam đang được khởi công ở Dung Quất. Công nghệ với dịch vụ khoan, thăm dò, khai thác dầu khí ngày càng tiên tiến và được trang bị phần mềm hiện đại.

HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ-KHAI THÁC DẦU KHÍ

Theo kế hoạch, trong 15 năm tới sẽ có 900 giếng khoan thăm dò và khai thác dầu khí của các nhà thầu dầu khí tại Việt Nam, trong đó giai đoạn 2006-2010 là 300 giếng khoan.

Đối với thị trường trong nước, theo kế hoạch của PetroVietnam, giai đoạn 2005-2010 tổng nhu cầu dịch vụ trong ngành dầu khí là 10,834 tỷ USD, bình quân 1.8 tỷ USD/năm

Trong quá trình hội nhập, hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí tăng mạnh mẽ, do đó nhu cầu đầu tư trung bình thị trường dịch vụ dầu khí có khả năng đạt 2 tỷ USD/năm.

Bên cạnh đó, PetroVietnam tích cực triển khai các hoạt động thăm dò và tìm kiếm dầu khí ở nước ngoài như Malaysia, Indonesia, Algeria, Brunei..

DỰ BÁO PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Trong các năm tới, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của ngành dầu khí, các hoạt động dịch vụ dầu khí, thăm dò khai thác dầu khí và chế biến dầu khí tại thị trường trong nước sẽ tiếp tục phát triển mạnh.

Doanh thu xuất khẩu của ngành dầu khí năm 2005 đạt 7,387 USD, tăng 30.3% so với năm 2004. Cùng với sự tăng trưởng mạnh hoạt động khai thác dầu khí, giá trị xuất khẩu dầu khí thì nhu cầu đối với các hoạt động dịch vụ dầu khí tăng trưởng mạnh.

Dự báo sự tăng trưởng nhu cầu với các dịch vụ dầu khí bình quân năm là 20-25%/năm.

**PHÂN TÍCH CÔNG TY****BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ KHẢ NĂNG LÃNH ĐẠO**

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của công ty đa số được đào tạo chính quy, có trình độ chuyên môn cao và có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan và dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Bên cạnh đó, trong HĐQT của PVD có các tổ chức như Vietcombank, PVFC, SSI nên năng lực của HĐQT và Ban lãnh đạo tốt.

NHÂN LỰC

Tổng số lao động của PVD tại 31/12/2005 là 744 người Trong đó trình độ trên đại học:1.48% (11 người), đại học :39.11% (291 người), cao đẳng: 2.28% (17 người), công nhân kỹ thuật: 53.63% (399 người), PTTH 3.49% (26 người). Nhìn chung, trình độ người lao động của PVD cao, với trên 40% có trình độ đại học

TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ

Công ty luôn tìm kiếm đổi mới công nghệ, ứng dụng các thành tựu công nghệ mới, hiện nay PVD đã đầu tư trang thiết bị của các hãng nước ngoài có uy tín như Baker Hughes, BJ services, FMC, Halliburton, Expro Group. Năm 2005, công ty đã đầu tư giàn khoan đa năng tự nâng 90 m nước , đây là giàn khoan có công nghệ hiện đại nhất thế giới, với phần phần quản lý vật tư hiện đại MAXIMO, dự kiến giàn khoan sẽ đi vào hoạt động vào cuối quý 1/2007.

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty chú trọng nghiên cứu công nghệ mới, kỹ thuật mới để cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ, nghiên cứu việc sử dụng các loại máy móc thiết bị hiện đại để đưa vào quá trình cung cấp dịch vụ. Chú trọng đào tạo cán bộ quản lý, chuyên viên, công nhân kỹ thuật, cử cán bộ làm việc cùng chuyên gia nước ngoài để nâng cao trình độ cán bộ công ty.

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000, hệ thống này chứng thực được công ty Den Norske Veritas cấp chứng chỉ năm 2003 và 2006. Mọi hoạt động kinh doanh của công ty đều tuân thủ theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và hệ thống giám sát bởi phòng an toàn chất lượng.

THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH

PVD có uy tín đối với dịch vụ khoan dầu khí, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, dịch vụ cơ khí sửa chữa, ứng cứu sự cố tràn dầu, cung ứng nhân lực, cho thuê thiết bị khoan. Công ty đã chiếm lĩnh phần lớn thị phần tại Việt Nam cho các nhà thầu dầu khí như các công ty: CuuLong JOC, Petronas, JVPC, Hoanvu JOC, VietsoPetro, PIDC, Diamond Offshore, Global SantaFe... các dịch vụ khoan , dịch vụ cung ứng thiết bị, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan và thử vỉa, các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan đang tăng trưởng cả về thị phần và tỷ lệ nội địa hoá, tăng tính chủ động và vị thế cạnh tranh của công ty.

THỊ PHẦN VÀ ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

Dịch vụ khoan: công ty đã đầu tư giàn khoan tự nâng Jack Up 90 m, đây là một trong những giàn khoan vào loại hiện đại nhất thế giới. Với việc có giàn khoan này, thị phần trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ khoan của công ty sẽ tăng mạnh trong năm 2007. Đối thủ chính là các công ty nước ngoài: GSF, TSF, Diamond Offshore, Oceanic..

Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, thị phần từ 40-80% tùy loại hình, dịch vụ bơm trám xi măng và kích thích vỉa: 70-80%, các đối thủ chính là Weatherford, ITS, Schumberger, Halliburton.

Dịch vụ đo karota khí, đo địa vật lý giếng khoan và thử vỉa: thị phần 20%; đối thủ: International Logging, Geoservices

KẾT QUẢ KINH DOANH**Các hợp đồng lớn đã thực hiện và ký kết**

Tên hợp đồng	Khách hàng	Đối tác	Trị giá (triệu USD)
cung cấp giàn khoan tự nâng PV Drilling 1	Hoanvu JOC	Tự cung cấp	150
Cung cấp giàn khoan đất liền PV drilling 11	PIDC	Tự cung cấp	13
Bơm trám xi măng	Cứu long JOC	Liên doanh BJ-PVD	8
Bơm trám xi măng	PCVL	Liên doanh BJ-PVD	3
Bơm trám xi măng	HL/HV JOC	Nt	3
Kích thích vỉa	CuuLong JOC	Nt	1
Kích thích vỉa	PCVL	Nt	5
Kéo thả ống chống	CuuLong JOC	Tự cung cấp	3



Công ty có 25 hợp đồng đã ký kết trong giai đoạn 2005-2006 trong đó có hai hợp đồng trong đó có những hợp đồng cung cấp giàn khoan có giá trị lớn cho Hoàn Vũ JOC trị giá 150 triệu USD dự kiến cung cấp vào quý 1/2007 khi giàn khoan đa năng tự nâng Jack Up của công ty lắp đặt xong và đi vào khai thác.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị: 1.000.000 đ

Sản phẩm	Năm 2004		Năm 2005		Quý III/Năm 2006	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dịch vụ khoan			35.473	3%		
Dịch vụ KT giếng khoan	258470	39%	573871	54%	410974	47%
DV ứng cứu sự cố tràn dầu	18725	3%	18.917	2%	17.203	2%
DV cơ khí sửa chữa	23.757	4%	27.534	3%	28.037	3%
DV cung ứng lao động	52.087	8%	77.908	7%	94.636	11%
Dịch vụ cung ứng VT thiết bị	209.575	32%	253.070	24%	262.106	30%
Dịch vụ khác	100.023	15%	6.730	9%	63.274	7%
Tổng doanh thu	662.636	100%	1.071.501	100%	876.230	100%

Qua bảng doanh số có thể thấy dịch vụ kỹ thuật giếng khoan hiện vẫn là dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của công ty, năm 2006 chiếm 47% doanh thu, tiếp đến là dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị, chiếm từ 25-30% doanh thu. Dịch vụ khoan chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu doanh thu, tuy nhiên, sang năm 2007 khi công ty đầu tư hai giàn khoan trong đó có một giàn khoan nổi tự nâng 90 m thì doanh thu từ dịch vụ khoan sẽ tăng mạnh trong cơ cấu doanh thu của công ty.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN

- Dự án đầu tư giàn khoan đa năng 90 m: hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện ở Singapo dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động phục vụ khoan cho công ty Hoàn Vũ JOC tại mỏ cá ngừ vàng vào tháng 3/2007 với thời hạn 2 năm.
- Dự án mua giàn khoan đất liền: hiện đang trong quá trình đóng giàn khoan tại Trugn Quốc, sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động vào quý III/2007, phục vụ chiến dịch khoan của PDIC tại Algeria

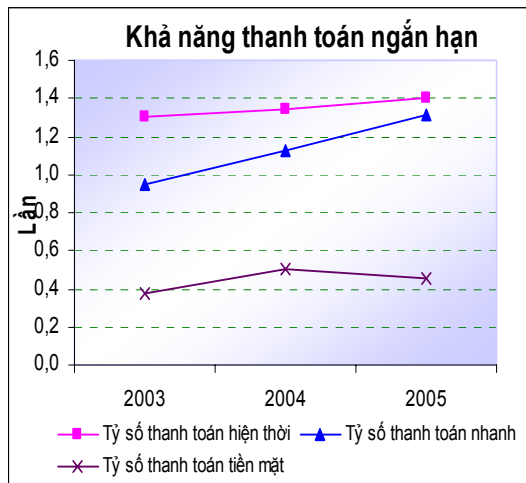
KẾ HOẠCH NĂM 2006-2008

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006		2007		2008	
		(%) tăng giảm	Triệu đồng	(%) tăng giảm	Triệu đồng	(%) tăng giảm
Doanh thu thuần	1100	2.67%	1742	58.36%	2117	21.53%
Vốn điều lệ	680		680		680	
LN Trước thuế	102	9.27%	459,77	26.39%	679	32.09%
LN sau thuế	72,2		438,03		569,62	
LN TT/DTT	9%		26%		0,32	
LNST/Vốn Điều lệ	1.061,76		6.442		8.377	
Cổ tức	8%		40%	0.00%	40%	0.00%

Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập 100% trong hai năm 2007, 2008, và khi niêm yết trên sàn công ty được giảm thuế thu nhập trong 2 năm là 50%.

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2007 tăng đột biến do công ty đưa vào vận hành giàn khoan tự nâng, thực hiện hợp đồng cho Hoàn Vũ JOC từ cuối quý 1/2007 và giàn khoan đất liền Landrig cho PDIC tại Algeria. từ quý III/2007.

**PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÔNG TY****KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGẮN HẠN**

Các chỉ số thanh toán ngắn hạn của công ty có chiều hướng tăng dần, chỉ số thanh toán hiện thời tăng nhẹ từ mức 1,3 năm 2004 lên 1,4 năm 2005. Chỉ số thanh toán nhanh tăng từ 1.1 năm 2004 lên 1.3 năm 2005.

Do công ty có các khoản nợ phải thu và tài sản lưu động lớn, nên công ty không gặp khó khăn trong ngắn hạn.

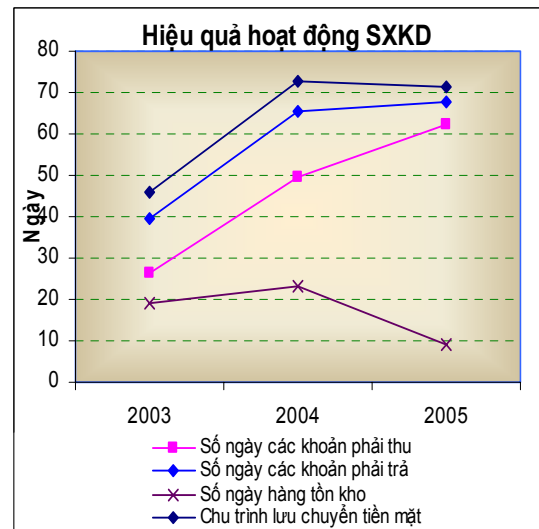
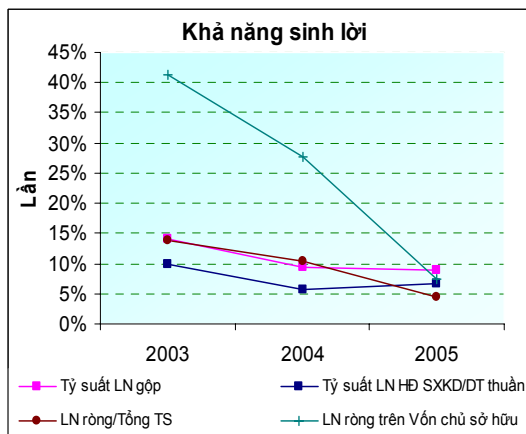
Các khoản nợ của công ty chủ yếu là nợ dài hạn, nợ ngắn hạn ít do đó công ty không gặp khó khăn trong thanh toán ngắn hạn.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Số ngày các khoản phải thu của công ty tăng mạnh trong giai đoạn 2003-2005 từ 26 ngày lên 62 ngày. Số ngày các khoản phải thu tăng do công ty thực hiện các hợp đồng dịch vụ khoan và các dịch vụ đầu khí lớn khác, do đó giá trị các khoản phải thu tăng.

Số ngày các khoản phải trả của công ty cũng tăng ở mức cao, từ 40 ngày năm 2003 lên 68 ngày năm 2005

Số ngày hàng tồn kho của công ty thấp do công ty chủ yếu hoạt động dịch vụ, không thực hiện sản xuất kinh doanh nên lượng hàng tồn kho thấp, số ngày hàng tồn kho thấp.

**ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH LỜI**

Các chỉ số lợi nhuận của công ty giảm mạnh trong năm 2005 do vốn điều lệ của công ty tăng mạnh từ 115 tỷ lên 680 tỷ, đây là nguồn vốn được tổng công ty bổ sung để đầu tư giãn khoan nổi. Do lợi nhuận của công ty tăng không kịp với tốc độ tăng vốn chủ sở hữu nên tỷ suất ROE của công ty giảm mạnh, từ 42% năm 2003 xuống còn 28% năm 2004 và còn 7% năm 2005.

Sang năm 2007, khi lợi nhuận từ giàn khoan đầu tư của công ty bắt đầu mang lại, các chỉ số ROA và ROE của công ty sẽ bắt đầu tăng mạnh.



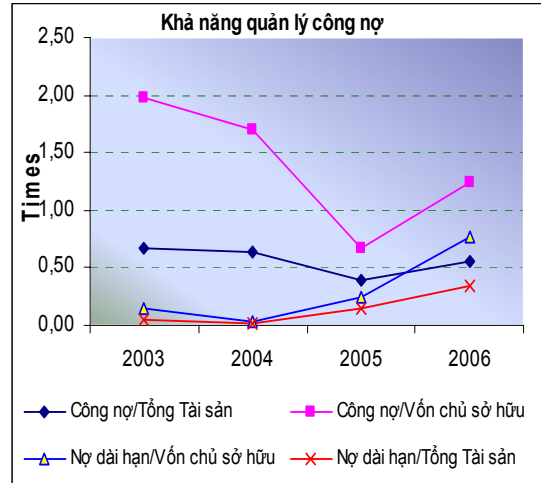
ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG QUẢN LÝ CÔNG NỢ

Các tỷ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu của công ty giảm mạnh năm 2005 do công ty đã tăng mạnh vốn chủ sở hữu.

Tỷ suất nợ /tổng tài sản công ty là 0.55 vào quý 3/2006 và nợ/vốn chủ sở hữu là 1.24 cho thấy cơ cấu vốn của công ty hợp lý.

Tỷ lệ nợ dài hạn/vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn/tổng tài sản của công ty có xu hướng tăng mạnh.

Nợ dài hạn của công ty tăng mạnh trong năm 2005 và 2006 do công ty đã vay nợ dài hạn để đầu tư mua mới giàn khoan tự nâng. Tỷ lệ nợ dài hạn/tổng tài sản 0.34 vào quý 3 năm 2006, cho thấy công ty dùng một tỷ lệ lớn nợ dài hạn để đầu tư dự án giàn khoan. Nhìn chung, với việc tăng vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ trong năm 2006, cơ cấu vốn của công ty ở mức hợp lý, cơ cấu nợ không nhiều.



ĐÁNH GIÁ SWOT	
<p style="text-align: center;">THẾ MẠNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở vật chất lớn, có giàn khoan tự nâng 90 m nước cho phép công ty có thể chủ động cung cấp các dịch vụ khoan trong và ngoài nước - Lãnh đạo: ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm; có uy tín, kinh nghiệm trong ngành - Là thành viên của PetroVietnam, công ty có lợi thế trong việc giành các hợp đồng cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ dầu khí liên quan cho Petrovietnam, Vietsopetro và các đơn vị của Petrovietnam. - Trình độ công nghệ và máy móc thiết bị hiện đại do giàn khoan Jack up của công ty mới được đầu tư. 	<p style="text-align: center;">NHƯỢC ĐIỂM</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ suất lợi nhuận trong các năm 2005 và 2006 thấp, trong đó tỷ suất ROA và ROE của công ty thấp và giảm mạnh do vốn điều lệ và tổng tài sản năm 2006 tăng, trong khi lợi nhuận năm 2006 không tăng mạnh. - Trình độ nhân lực trong lĩnh vực khoan dầu khí của công ty còn yếu, chưa đủ cạnh tranh với các hãng nước ngoài. Các nhân lực chủ chốt vận hành giàn khoan vẫn phải thuê chuyên gia nước ngoài. - Việc cạnh tranh đấu thầu vươn ra thị trường quốc tế còn yếu
<p style="text-align: center;">CƠ HỘI</p> <p>Ngành dầu khí là ngành kinh tế trọng điểm của cả nước, đóng góp lớn vào ngân sách tiếp tục tăng trưởng mạnh trong tương lai. Các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và vận tải dầu khí sẽ được đầu tư mạnh mẽ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam gia nhập WTO, cơ hội mạnh cho các doanh nghiệp Việt nam vươn ra thị trường thế giới, đây là cơ hội để công ty phát triển các thị trường mới trên thế giới như Algieri, Indonesia, Malaysia... 	<p style="text-align: center;">MỐI ĐE DỌA</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự cạnh tranh của các hãng dịch vụ khoan dầu khí nước ngoài tại thị trường trong nước, trong khi công ty mới bắt đầu đầu tư giàn khoan - Hoạt động dịch vụ khoan phụ thuộc vào nhu cầu khoan thăm dò và khai thác của các hãng dầu khí trong và ngoài nước. Nếu thị trường biến động, các hãng dầu khí giảm nhu cầu thăm dò khai thác tại Việt Nam, công ty sẽ gặp khó khăn trong việc tìm thị trường và khách hàng.

**BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ**

Đơn vị tính: VND

Các khoản mục	2003	2004	2005	9 tháng 2006
Tổng doanh thu	492.602.384.437	662.635.826.030	1.071.501.050.746	876.230.192.985
Trong đó doanh thu hàng xuất khẩu				-
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Doanh thu thuần	492.602.384.437	662.635.826.030	1.071.501.050.746	876.230.192.985
Giá vốn hàng bán	423.432.944.202	599.942.409.791	976.101.321.884	772.394.916.739
Lợi nhuận gộp	69.169.440.235	62.693.416.239	95.399.728.862	103.835.276.246
Thu nhập hoạt động tài chính	4.932.561.819	4.453.385.632	6.827.374.971	6.492.797.071
Chi phí hoạt động tài chính	508.714.663	814.313.992	1.425.198.609	2.207.521.534
Trong đó chi phí lãi vay				-
LN thuần từ HĐ tài chính	4.423.847.156	3.639.071.640	5.402.176.362	4.285.275.537
Chi phí bán hàng				-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.633.208.685	29.195.789.312	30.350.375.470	26.983.101.348
LN thuần từ HĐ SXKD	48.960.078.706	37.136.698.567	70.451.529.754	81.137.450.435
Các khoản thu nhập bất thường	1.506.850.190	3.880.523.994	3.761.084.639	5.396.780.057
Chi phí bất thường	841.996.608	439.617.887	1.125.894.639	24.841.750
LN bất thường	664.853.582	3.440.906.107	2.635.190.000	5.371.938.307
Tổng LN trước thuế	49.624.932.288	40.577.604.674	73.086.719.754	86.509.388.742
Thuế thu nhập	20.949.015.583	11.429.852.342	20.558.852.898	24.180.119.931
Thu nhập sau thuế	28.675.916.705	29.147.752.332	52.527.866.856	62.329.268.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Các khoản mục	2003	2004	2005	2006
TÀI SẢN				



VIETCOMBANK SECURITIES

Tài sản lưu động				
Tiền mặt	47.893.425.613	89.416.219.800	136.581.021.234	114.053.421.630
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0
Các khoản phải thu	71.481.008.415	108.851.828.979	257.445.859.269	305.699.091.330
Hàng tồn kho	44.669.826.681	31.601.662.045	17.037.014.937	21.657.117.090
Tài sản lưu động khác	696.180.565	6.429.877.107	8.351.778.987	5.646.736.841
Tổng tài sản lưu động	164.740.441.274	236.299.587.931	419.415.674.427	447.056.366.891
Tài sản cố định & Đầu tư dài hạn				
Tài sản cố định	32.415.856.207	44.700.310.303	763.865.300.852	66.394.129.544
<i>TSCĐ hữu hình</i>	32.415.856.207	44.700.310.303	33.893.026.429	38.569.866.836
Nguyên giá	59.591.332.494	91.915.214.908	95.315.261.465	110.791.732.937
Giá trị hao mòn lũy kế	(27.175.476.287)	(47.214.904.605)	(61.422.235.036)	(72.221.866.101)
<i>TSCĐ thuê tài chính</i>	0	0	28.717.408.294	0
Nguyên giá	0	0	28.717.408.294	0
Giá trị hao mòn lũy kế	0	0	0	0
<i>TSCĐ vô hình</i>	0	0	0	27.824.262.708
Nguyên giá	0	0	0	28.717.408.294
Giá trị hao mòn lũy kế	0	0	0	(893.145.586)
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0
Tài sản cố định khác	9.619.718.520	1.508.371.381	76.273.007	6.049.556.145
Tổng tài sản cố định	42.035.574.727	47.397.662.251	765.098.345.411	1.204.852.962.314
TỔNG TÀI SẢN	206.776.016.001	283.697.250.182	1.184.514.019.838	1.651.909.329.205
Nguồn vốn				
Nợ ngắn hạn				
Vay ngắn hạn	0	0	0	0
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.809.440.000	5.666.040.000	0	214.132.307.033
Phải trả cho người bán	91.959.994.408	123.512.734.262	238.421.776.154	0
Cổ tức phải trả	0	0	0	0
Các khoản phải trả khác	31.727.141.628	46.773.018.163	60.478.303.284	134.665.049.128
Tổng nợ ngắn hạn	126.496.576.036	175.951.792.425	298.900.079.438	348.797.356.161
Nợ dài hạn				
Vay/nợ dài hạn	8.428.320.000	2.833.020.000	174.735.086.080	565.550.241.423
Các khoản nợ dài hạn khác	2.278.981.048	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	10.707.301.048	2.833.020.000	174.735.086.080	565.550.241.423
Tổng nợ	137.203.877.084	178.784.812.425	473.635.165.518	914.347.597.584
Nguồn vốn chủ sở hữu				
Nguồn vốn kinh doanh	43.726.202.122	79.387.449.517	638.998.467.547	680.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Chênh lệch tỷ giá	(405.613.978)	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	0	0	39.096.056.226	43.403.942.066
Các quỹ	26.251.550.773	25.524.988.240	32.784.330.547	14.157.789.555
Nguồn kinh phí, quỹ khác				
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	69.572.138.917	104.912.437.757	710.878.854.320	737.561.731.621
TỔNG NGUỒN VỐN	206.776.016.001	283.697.250.182	1.184.514.019.838	1.651.909.329.205